

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 18/2018/HSPT

Ngày: 14/3/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Đông**

*Các thẩm phán:* Ông **Nguyễn Tuấn Long**

Bà **Lê Thúy Phụng**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Vi Nhật Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:**  
Ông **Nguyễn Ngọc Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/2018/HSPT ngày 29 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Trần Văn A, Nguyễn Thị B do có kháng cáo của bị cáo A, bị cáo B, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đối với bản án hình sự sơ thẩm số 251/2017/HSST ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

*\* Bị cáo có kháng cáo:*

1. **Trần Văn A**, sinh năm 1993 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi ĐKNKTT: Tổ 24, phường D, thành phố C; Chỗ ở hiện nay: Nhà thuê thuộc Tổ 3 phường Đ, thành phố C; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 07/12, dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn E (Chết) và bà Nguyễn Thị Ê; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 260/2011/HSST ngày 22/11/2011 của Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 05 (năm) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/04/2015; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/05/2017; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1997 tại Khánh Hòa; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Số 58 phường F, thành phố C, Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Thợ làm tóc; Trình độ văn hóa: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G và bà Lê Trần Thị H; chồng Lê Ngọc I (*đã ly hôn*) và 01 con sinh năm 2014; tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19h 45' ngày 14/05/2017, tại khu vực K thuộc tổ 6 thôn L, xã M, thành phố C, tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Khánh Hòa phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thị B đang bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Nhật N. Tổ công tác thu giữ trên tay Nguyễn Nhật N 01 (một) bịch nylon màu trắng hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (mẫu ký hiệu A), thu giữ trên tay Nguyễn Thị B số tiền là 900.000đ.

Cùng ngày, tiến hành khám xét khẩn cấp tại phòng trọ của Nguyễn Thị B thuộc tổ 3, phường Đ, thành phố C, lúc này trong phòng trọ có Trần Văn A và Lê Nhật P. Quá trình khám xét phát hiện Trần Văn A ném một bịch nylon chứa chất tinh thể màu trắng qua cửa sổ, tổ công tác tiến hành thu giữ vật chứng nêu trên (mẫu ký hiệu B).

Quá trình điều tra xác định, vào khoảng 18h00' ngày 14/05/2017, khi Nguyễn Thị B và Trần Văn A đang ở tại phòng trọ thuộc tổ 03, phường Đ, thành phố C thì Nguyễn Nhật N gọi điện thoại di động vào số máy 0931506052 của Nguyễn Thị B hỏi mua 01 bịch ma túy “đá” với giá 1.000.000đ, Nguyễn Thị B đồng ý rồi nói lại với Trần Văn A sự việc trên, Trần Văn A bảo Nguyễn Thị B chờ, rồi đi ra ngoài. Một lúc sau, Lê Nhật P chở Trần Văn A về lại phòng trọ và Trần Văn A đưa cho Nguyễn Thị B 01 (một) bịch ma túy “đá” để bán cho Nguyễn Nhật N. Khi Nguyễn Thị B đang bán số ma túy trên cho N thì bị phát hiện bắt quả tang.

Trần Văn A đã 04 (bốn) lần đưa ma túy cho Nguyễn Thị B đi bán để kiếm tiền tiêu xài, trong đó có 02 (hai) lần Nguyễn Thị B đi bán cho đối tượng thường gọi là Mập (không xác định được địa chỉ, lai lịch) và 02 (hai) lần bán cho Nguyễn Nhật N; cụ thể lần đầu tiên là vào buổi tối ngày 12/05/2017, Nguyễn Thị B bán cho Nguyễn Nhật N tại khu vực cầu O, phường Đ, thành phố C với giá 500.000đ; đến lần thứ hai thì bị bắt quả tang.

Nguồn gốc số ma túy nêu trên Trần Văn A mua từ 01 (một) đối tượng tên Q tại thành phố Hồ Chí Minh (không xác định được địa chỉ, lai lịch) với giá 5.000.000đ.

Tại bản kết luận giám định số 245/GĐTP/2017 ngày 18/05/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Tinh thể màu trắng có trong các mẫu ký hiệu A, B gửi giám định là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine; Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định số 82 ngày 19/07/2013 của Chính phủ.

+ Mẫu A có khối lượng 0,2895 gam.

+ Mẫu B có khối lượng 6,6990 gam.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 251/2017/HSST ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn A, bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm b, h khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 196, Điều 99 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo Trần Văn A và Nguyễn Thị B. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn A 09 (*chín*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 15/05/2017, phạt bổ sung bị cáo Trần Văn A số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) sung quỹ nhà nước; bị cáo Nguyễn Thị B 08 (*tám*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị B số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) sung quỹ nhà nước. Đồng thời Bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 03/01/2018 bị cáo Trần Văn A, ngày 27/12/2017 bị cáo Nguyễn Thị B đều có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có Quyết định kháng nghị phúc thẩm về việc không đồng ý Tòa án nhân dân thành phố C áp dụng tình tiết định khung tại điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo Trần Văn A, bị cáo Nguyễn Thị B.

Tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị; các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị số 01/QĐKN-VKS-HS ngày 29/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C và kháng cáo của các bị cáo, sửa án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**Về thủ tục tố tụng:** Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Văn A, Nguyễn Thị B và Quyết định kháng nghị số 01/QĐKN-VKS-HS ngày 29/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C còn trong hạn luật định nên hợp lệ.

**Về nội dung:** Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn A, Nguyễn Thị B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung bản cáo trạng số 203/KSĐT-XXSTHS ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C và bản án số 251/2017/HSST ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C. Như vậy có đủ cơ sở kết luận, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo Trần Văn A, Nguyễn Thị B về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Hội đồng xét xử nhận thấy theo biên bản bản thu giữ vật chứng vụ án và bản kết luận giám định số 245/GĐTP/2017 ngày 18/05/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Tinh thể màu trắng có trong các mẫu ký hiệu A, B gửi giám định là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, có khối lượng:

+ Mẫu A có khối lượng 0,2895 gam.

+ Mẫu B có khối lượng 6,6960 gam.

Tổng cộng là 6,9855 gam (còn lại sau giám định là: 6,6739 gam)

Tại điểm h khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định “*Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ năm gam đến dưới ba mươi gam*” và tại điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định “*Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai mươi gam đến dưới một trăm gam*”; như vậy hành vi mua bán chất ma túy thuộc loại Methamphetamine của các bị cáo được quy định tại điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, tuy nhiên khối lượng mua bán chưa đủ khối lượng để cấu thành theo điểm m khoản 2 Điều 194, nên hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần của các bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, cấp sơ thẩm áp dụng điểm h khoản 2 Điều 194 là bất lợi cho các bị cáo. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố C kháng nghị là có căn cứ.

Mặt khác, so sánh giữa tội mua bán trái phép chất ma túy theo Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 thì về mức hình phạt là như nhau ở khoản 2 đều có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm. Vì vậy không cần áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội

mà có thể áp dụng Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử các bị cáo là phù hợp.

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước trong việc quản lý các chất gây nghiện. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo còn gián tiếp dẫn đến các hành vi phạm tội khác gây mất trật tự, an ninh xã hội. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải xử lý một mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi, hậu quả và nhân thân của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Xét mức án 09 (*chín*) năm tù đối với bị cáo Trần Văn A và 08 (*tám*) năm tù đối với bị cáo Nguyễn Thị B mà cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b, h là 02 tình tiết định khung để xét xử các bị cáo là có phần nghiêm khắc; do chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C bỏ điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước mà an tâm cải tạo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

*Về án phí phúc thẩm:* Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

**1.** Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐKN-VKS-HS ngày 29/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn A, Nguyễn Thị B; sửa bản án sơ thẩm.

**Áp dụng:** điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với các bị cáo Trần Văn A và Nguyễn Thị B.

### **Xử phạt:**

**1/ Bị cáo Trần Văn A 08 (*tám*) năm 06 (*sáu*) tháng** tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 15/05/2017.

**2/ Bị cáo Nguyễn Thị B 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

**2.** Bị cáo Trần Văn A, bị cáo Nguyễn Thị B không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

**3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

**Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Tòa án nhân dân TP. C;
- VKSND TP. C;
- Công an thành phố C;
- Chi cục THADS TP.C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn, văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Đông**